

Bản án số: 67/2022/DS-ST

Ngày: 26 - 7 - 2022

V/v: “Tranh chấp dân sự
về Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành P.

2. Bà Diệp Thị Thu N.

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Huỳnh H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: bà Phan Thị Dáng H - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2022/TLST-DS ngày 24/3/2022 về việc “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2022/QĐXX-DS ngày 21/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2022/QĐST-DS ngày 08/7/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ .

Địa chỉ trụ sở: Tháp BIDV, số 35 Hàng Vôi, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Đức T; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Sơn H; chức vụ: Chuyên viên Phòng Quản lý rủi ro Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh A và ông Phan Anh T; chức vụ: Chuyên viên Quản lý khách hàng Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh A - PGD T. (Theo Quyết định số 43/QĐ-BIDV.AG ngày 20/01/2022 của Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh A).

Địa chỉ liên hệ: số 185, Lý Thái Tổ, khóm 5, phường M, thành phố L, tỉnh A .

2. Bị đơn: bà Lê Thị T , sinh năm 1994.

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện T , tỉnh A .

(Đại diện nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (do ông Nguyễn Sơn H, đại diện) trình bày:

Ngày 12 tháng 7 năm 2017, bà Lê Thị T có đến Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh L - Phòng Giao dịch T (nay là Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh A - Phòng Giao dịch T) ký hợp đồng tín dụng số 01/2017/9973108/HĐTD để vay số tiền 50.000.000 đồng. Mục đích vay: tiêu dùng. Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất vay sẽ được điều chỉnh 06 tháng/lần. Việc điều chỉnh lãi suất được Ngân hàng thông báo vào các ngày 01 tháng 4 và ngày 01 tháng 10 hàng năm (nếu có thay đổi). Lãi suất thay đổi theo thông báo của Ngân hàng. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lịch trả nợ gốc định kỳ vào ngày 12 hàng tháng, từ tháng 8 năm 2017 đến tháng 6 năm 2022 mỗi tháng bà T trả cho Ngân hàng số tiền là 830.000 đồng; riêng ngày 12/7/2022 trả số tiền 1.030.000 đồng. Lãi suất vay trả trùng với ngày trả nợ gốc. Khi vay tiền, bà T không thể chấp tài sản. Sau khi vay, tính đến ngày 11/4/2018 bà T có trả tổng số tiền gốc 6.640.000 đồng và lãi 3.786.157 đồng thì ngưng cho đến nay. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần cử nhân viên đến gặp bà T để thu hồi vốn, lãi nhưng bà T hứa hẹn mà không thực hiện.

Nay, Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu bà Lê Thị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi tính đến ngày 26/7/2022 là 68.743.419 đồng, (trong đó gốc 43.360.000 đồng, lãi là 25.383.419 đồng) và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/9973108/HĐTD ngày 12/7/2017 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Bị đơn bà Lê Thị T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên đã từ bỏ quyền của mình.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, tuyên:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lê Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền gốc, lãi tính đến ngày 26/7/2022 là 68.743.419 đồng, (trong đó gốc 43.360.000 đồng, lãi là 25.383.419 đồng) và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/9973108/HĐTD ngày 12/7/2017 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

+ Về án phí: bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP Đ với bà Lê Thị T là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: bị đơn bà Lê Thị T có địa chỉ tại xã V , huyện T , tỉnh A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng:

- Ông Nguyễn Sơn Hà (là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đúng với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Lê Thị T đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập bà T đều vắng mặt, không lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo thủ tục chung.

[4] Về nội dung: Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện bà Lê Thị T để yêu cầu trả số tiền gốc, lãi tính đến ngày 26/7/2022 là 68.743.419 đồng, (trong đó gốc 43.360.000 đồng, lãi 25.383.419 đồng) và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/9973108/HĐTD ngày 12/7/2017 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng, ngày 12/7/2017, bà Lê Thị T có ký Hợp đồng tín dụng số 01/2017/9973108/HĐTD để vay của Ngân hàng TMCP Đ số tiền 50.000.000 đồng. Mục đích vay: tiêu dùng. Thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất vay sẽ được điều chỉnh 06 tháng/lần. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tuy nhiên, từ khi vay đến ngày 11/4/2018, bà T không thực hiện nghĩa vụ theo đúng phân kỳ của Ngân hàng mà chỉ trả tổng số tiền gốc là 6.640.000 đồng và lãi 3.786.157 đồng thì ngưng cho đến nay.

[6] Tại biên bản xác minh ngày 24/3/2022 được Công an xã V , huyện T cung cấp thông tin như sau: bà Lê Thị T , sinh năm 1994 có đăng ký hộ khẩu

thường trú tại ấp V, xã V, huyện T, tỉnh A nhưng hiện đi đâu không rõ, thỉnh thoảng cũng có về thăm gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T không đến tham gia các phiên hòa giải và cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số nợ trên.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận vay tiền giữa Ngân hàng TMCP Đ với bà Lê Thị T là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng; hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại các điều 119, 398, 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên Ngân hàng yêu cầu bà T trả số tiền gốc và lãi phát sinh là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, có đủ căn cứ buộc bà Lê Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền gốc, lãi tính đến ngày 26/7/2022 là 68.743.419 đồng, (trong đó gốc 43.360.000 đồng, lãi 25.383.419 đồng) và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/9973108/HĐTD ngày 13/7/2017 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Lê Thị T bị buộc trả số tiền nêu trên nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

[8] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 119, 398, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ .

1.1. Buộc bà Lê Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ (do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh A, đại diện nhận) tổng số tiền gốc, lãi tính đến ngày 26/7/2022 là 68.743.419 đồng (sáu mươi tám triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn, bốn trăm mười chín đồng), (trong đó gốc 43.360.000 đồng, lãi 25.383.419 đồng).

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo

mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Lê Thị T phải chịu 3.437.171 đồng (ba triệu, bốn trăm ba mươi bảy nghìn, một trăm bảy mươi một đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 1.512.269 đồng (một triệu, năm trăm mười hai nghìn, hai trăm sáu mươi chín đồng), đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0008760, ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh A (do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh A, đại diện nhận).

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh A ;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Văn H